TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13-3-2019
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích

2. Bà Đoàn Kim Thạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Bé Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 853/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1979.**

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: **Ông Lê Văn S, sinh năm 1978.**

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố D, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt Bà H và ông S)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/12/2018 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà H và ông S tự nguyện tìm hiểu, sau đó tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố D, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 196 ngày 30/8/2006. Bà H yêu cầu ly hôn với ông S.

Nguyên nhân bà yêu cầu ly hôn: Do ông S thường xuyên ăn nhậu, bỏ nhà đi, đi đâu làm gì bà không hay biết, lâu lâu về nhà thì lớn tiếng, dọa nạt với vợ con, bóp cổ bà dẫn đến công an phải giải quyết, lần ly hôn này là lần thứ 3; bà gửi đơn đến Tòa án vào năm 2012 khi đang mang thai đứa con thứ hai, mặc dù bà đang mang thai nhưng ông S không quan tâm chăm sóc nên bà yêu cầu ly hôn, được Tòa án động viên bà rút đơn sau đó ông S vẫn không sửa đổi; đến tháng 4/2018 bà tiếp tục nộp đơn ly hôn ông S đến Tòa án để năn nỉ, Tòa án cũng động viên bà lại tiếp tục rút đơn. Sau khi rút đơn thì ông S bỏ nhà đi một thời gian dài không quan tâm chăm sóc vợ con, mỗi lần bà gửi đơn là ông S lại hứa sửa đổi không chơi bời nhưng không thay đổi; tháng 12/2018 bà tiếp tục nộp đơn xin ly hôn và lần này bà cương quyết yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung: Lê Thành P, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2007 và Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2012. Hiện hai cháu đang sống với Bà H, bà yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Bị đơn ông Lê Văn S vắng mặt trong quá trình tố tụng, có mặt tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Vợ chồng mâu thuẫn do trước đây ông có chơi đá gà nhưng gần đây đã bỏ không chơi nữa, mấy tháng gần đây ông đi buôn thuốc lá lậu và bị bắt nên thiếu nợ hơn 100.000.000 đồng nên ông bỏ nhà đi làm thuê kiếm tiền trả nợ, đến nay vẫn chưa trả được hết nợ, khi nào trả hết nợ ông về nhà sống cùng vợ con. Ông vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, xin cơ hội hàn gắn với vợ.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lê Thành P, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2007 và Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2012. Ông không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Bà H tranh chấp ly hôn với ông S, tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, cụ thể Tòa án có văn bản xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân; đối chất tại phiên tòa để làm rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp dẫn Bà H yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và bà ông S đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố D, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 196 ngày 30/8/2006. Do đó, hôn nhân của Bà H và ông S là hợp pháp theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông S với căn cứ ông S thường xuyên ăn nhậu, bỏ nhà đi, đi đâu làm gì bà không hay biết, lâu lâu về nhà thì lớn tiếng, dọa nạt với vợ con, hăm dọa giết vợ con. Đã 03 lần bà gửi đơn ly hôn, năm 2012 bà gửi đơn khi đang mang thai đứa con thứ hai, mặc dù bà đang mang thai nhưng ông S không quan tâm chăm sóc, được Tòa án động viên bà rút đơn sau đó ông S vẫn không sửa đổi; đến tháng 4/2018 bà tiếp tục nộp đơn ly hôn ông S năn nỉ, Tòa án cũng động viên bà lại tiếp tục rút đơn, sau khi rút đơn thì ông S bỏ nhà đi một thời gian dài không quan tâm chăm sóc vợ con, mỗi lần bà gửi đơn thì ông S hứa sửa đổi không chơi bời nhưng sau đó không thay đổi; tháng 12/2018 bà tiếp tục nộp đơn xin ly hôn và lần này bà cương quyết yêu cầu ly hôn. Ông S thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do trước đây ông có chơi đá gà nhưng gần đây đã bỏ không chơi nữa, mấy tháng gần đây ông đi buôn thuốc lá lậu và bị bắt dẫn đến thiếu nợ hơn 100.000.000 đồng nên ông bỏ nhà đi làm thuê kiếm tiền trả nợ, đến nay vẫn chưa trả được hết nợ, khi nào trả hết nợ ông về nhà sống cùng vợ con. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần mỗi khi Bà H nộp đơn xin ly hôn nhằm tạo điều kiện cho ông S hàn gắn nhưng ông S vẫn không thay đổi dẫn đến Bà H tiếp tục yêu cầu ly hôn. Ông S đã không có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm chăm

sóc, giúp đỡ, cùng chia sẽ thực hiện các công việc gia đình với Bà H, thường xuyên bỏ nhà đi, ông S đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Ngoài ra, ông S cũng thừa nhận có dùng vũ lực bóp cổ Bà H và bị xử phạt hành chính 1.250.000 đồng, điều này chứng minh ông S đã có hành vi bạo lực gia đình đây là hai căn cứ xem xét cho Bà H ly hôn theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung:

Có 02 (hai) con chung: Lê Thành P, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2007 và Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2012. Hiện hai cháu đang sống với Bà H, bà yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi hai con chung. Ông S không có ý kiến về con. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, ý kiến của con chung thể hiện nguyện vọng được tiếp tục sống với Bà H theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu của Bà H là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Tuy nhiên, ông S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ án khác.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Bà H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Căn cứ vào</u>:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điêu 19; Điều 56; Điều 131; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điểu 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

<u>Tuyên xử</u>:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé H.

Bà Nguyễn Thị Bé H được ly hôn với ông Lê Văn S.

[2] Về quan hệ con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lê Thành P, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2007 và Lê Thị Trúc Q, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2012. Sau khi ly hôn Bà H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà H không yêu cầu ông Hiệp cấp dưỡng.

Bà H phải tạo điều kiện cho ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp giải quyết thành vụ án khác.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0010692 ngày 07/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Bà H, ông S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự "Để thi hành";*
- *VKSND – TPLX;*
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *THADS TPLX;*
- *UBND xã Mỹ Hòa Hưng;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu văn phòng./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Quốc Việt